

BẢN ĐĂNG KÝ PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
Năm học 2025 – 2026**I. Phát triển số lượng:**

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật		Tỷ lệ H/S hoàn thành CT lớp học	Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số	Số HS có hồ sơ KT		
1	8	443	204	8	443	8	439	0	0	100	0
2	8	461	199	8	461	8	458	0	0	100	0
3	8	433	215	8	433	8	429	1	1	100	0
4	7	349	167	7	348	7	345	2	2	100	0
5	7	384	189	7	384	7	370	1	1	100	0
Tổng	38	2069	974	38	2069	38	2041	4	4	100	0

- * Lớp học tình thương: Số lớp: 0; Số học sinh: 0
- * Tổng số học sinh là con thương binh, con liệt sỹ: 0
- * Tổng số học sinh có sổ hộ nghèo: 01 ; cận nghèo: 0
- * Tổng số học sinh là con dân tộc: 17; Nữ: 07

II. Chất lượng giáo dục:**1. Đánh giá định kỳ cuối năm học kết quả học tập các môn học từ lớp 1 đến lớp 5**

Môn học	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
		K1	%	K2	%	K3	%	K4	%	K5	%
Tiếng Việt	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	1440	311	70.2	346	75.1	265	61.2	243	70	275	71.6
- Hoàn thành	629	132	29.8	115	24.9	168	38.8	105	30	109	28.4
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toán	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	1474	315	71.1	382	82.8	260	60	236	68	281	73.2
- Hoàn thành	595	128	28.9	79	17.2	173	40	112	32	103	26.8
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tự nhiên và xã hội	1337	443	33	461	34	433	32				
- Hoàn thành tốt	892	320	71.8	311	67.5	261	60.3				
- Hoàn thành	445	123	28.2	150	32.5	172	39.7				
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0				
Khoa học	732							348	48	384	52

Môn học	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
		K1	%	K2	%	K3	%	K4	%	K5	%
- Hoàn thành tốt	431							160	69.5	271	70
- Hoàn thành	301							188	30.5	113	29
- Chưa HT	0							0	0	0	0
Lịch sử và địa lý	732							348	48	384	52
- Hoàn thành tốt	424							157	68.1	267	69
- Hoàn thành	308							191	31.9	117	30
- Chưa HT	0							0	0	0	0
Ngoại ngữ	1608	443	28			433	27	348	22	384	24
- Hoàn thành tốt	857	248	55.9			218	50.3	174	50	217	56
- Hoàn thành	751	195	44.1			215	49.7	174	50	167	43
- Chưa HT	0	0	0			0	0	0	0	0	0
Đạo đức	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	1526	333	74.5	346	75.1	265	61.2	278	80	304	79
- Hoàn thành	543	110	26.5	115	24.9	168	38.8	70	20	80	20
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	979	210	47.4	240	52	217	50.1	115	49.8	197	51
- Hoàn thành	1090	233	52.6	221	48	216	49.9	233	50.2	187	48
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mỹ thuật	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	977	210	47.4	247	53.6	218	50.3	115	49.8	187	48
- Hoàn thành	1092	233	52.6	214	46.4	215	49.7	233	50.2	197	51.3
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giáo dục thể chất	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	1082	212	47.8	248	53.8	217	50.1	174	50	231	60.2
- Hoàn thành	987	231	52.2	213	46.2	216	49.9	174	50	153	39.8
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoạt động trải nghiệm	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Hoàn thành tốt	1302	320	72.2	301	65.3	260	60	160	69.5	261	68
- Hoàn thành	767	123	27.8	160	34.7	173	40	188	30.5	123	32
- Chưa HT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	1165					433	37	348	30	384	33
- Hoàn thành tốt	686					260	60	160	69.5	266	69.3
- Hoàn thành	479					173	40	188	30.5	118	30.7
- Chưa HT	0					0	0	0	0	0	0
Tin học	1165					433	37	348	30	384	33
- Hoàn thành tốt	614					218	50.3	174	50	222	57.8
- Hoàn thành	551					215	49.7	174	50	162	42.2
- Chưa HT	0					0	0	0	0	0	0

2. Đánh giá về phẩm chất năng lực đối với học sinh từ lớp 1 đến lớp 5

a) Năng lực cốt lõi, phẩm chất chủ yếu

- Năng lực cốt lõi:

Năng lực	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
		K1	%	K2	%	K3	%	K4	%	K5	%
* Năng lực chung											
<i>Tự chủ và tự học</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1565	300	67.7	356	77.3	385	88.9	208	60	316	82.3
- Đạt	504	143	32.3	105	22.7	48	11.1	140	40	68	17.7
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Giao tiếp và hợp tác</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1607	370	83.5	356	77.33	310	71.6	243	70	328	85.4
- Đạt	462	73	16.5	105	22.7	123	28.4	105	30	56	14.6
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1386	300	67.7	328	71.1	320	73.9	140	40	298	77.6
- Đạt	683	143	32.3	133	28.9	113	26.1	208	60	86	22.4
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
* Năng lực đặc thù											
<i>Ngôn ngữ</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1408	280	63.2	323	70	265	61.2	243	70	297	77.3
- Đạt	661	163	36.8	138	30	168	38.8	105	30	87	22.7
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Tính toán</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1592	370	83.5	382	82.8	310	71.6	236	68	294	76.6
- Đạt	477	73	16.5	79	17.2	123	28.4	112	32	90	23.4
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Khoa học</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1411	300	67.7	311	67.5	350	80.8	160	69.5	290	75.5
- Đạt	658	143	32.3	150	32.5	83	19.2	188	30.5	94	24.5
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Thẩm mỹ</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1300	300	67.7	342	74	218	50.3	174	50	266	69.3
- Đạt	769	143	32.3	119	26	215	49.7	174	50	118	30.7
- Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<i>Thể chất</i>	2069	443	21	461	22	433	21	348	17	384	19
- Tốt	1394	370	83.5	333	72.2	217	50.1	174	50	300	78.1
- Đạt	675	73	16.5	128	27.8	216	49.9	174	50	84	21.9

Năng lực	Tổng số	Chia ra theo khối lớp							
		K1	%	K2	%	K3	%	K4	%
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0

- Phẩm chất chủ yếu:

Phẩm chất chủ yếu	Tổng số	Chia ra theo khối lớp							
		K1	%	K2	%	K3	%	K4	%
Yếu nước	2069	443	21	461	22	433	21	348	17
- Tốt	1931	380	85.8	439	95.3	385	88.9	348	100
- Đạt	138	63	14.2	22	4.7	48	11.1	0	0
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân ái	2069	443	21	461	22	433	21	348	17
- Tốt	1731	300	67.7	434	94.2	310	71.6	313	90
- Đạt	338	143	32.3	27	5.8	123	28.4	35	10
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chăm chỉ	2069	443	21	461	22	433	21	348	17
- Tốt	1613	300	67.7	367	79.5	385	88.9	243	70
- Đạt	456	143	32.3	94	20.5	48	11.1	105	30
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trung thực	2069	443	21	461	22	433	21	348	17
- Tốt	1762	380	85.8	398	86.4	310	71.6	313	90
- Đạt	307	63	14.2	63	13.6	123	28.4	35	10
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm	2069	443	21	461	22	433	21	348	17
- Tốt	1638	300	67.7	367	79.5	385	88.9	278	80
- Đạt	431	143	32.3	94	20.5	48	11.1	70	20
- Căn cơ gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0

3. Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng giáo dục từ lớp 1 đến lớp 5

TS số HS	TS HS được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt (HS tiêu biểu)		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
2069	2069	624	30.2	332	16.1	1113	53.7	0	0

4. Khen thưởng học sinh cuối năm học:

Khối lớp	TS số HS	Danh hiệu học sinh xuất sắc		Danh hiệu học sinh tiêu biểu	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Khối 1	443	136	30.6	70	15.8

Khối lớp	TS số HS	Danh hiệu học sinh xuất sắc		Danh hiệu học sinh tiêu biểu	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Khối 2	461	135	29.2	57	12.4
Khối 3	433	130	30.02	68	15.71
Khối 4	348	104	29.9	70	20
Khối 5	384	115	29.9	70	18.2
Tổng chung	2069	620		335	

5. Kết quả các kỳ thi, giao lưu và một số hoạt động khác:

Xếp loại	Khối									
	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HS lớp 5 đạt giải OLIMPIC Tiếng Anh cấp phường									20	5
HS lớp 5 đạt giải OLIMPIC Tiếng Anh cấp TP									10	2.5
Học sinh đạt giải thi đấu TDTT cấp thành phố									03	0.7
Chi đội mạnh					8	100	7	100	7	100
Lớp học thân thiện, học sinh tích cực	8	100	8	100	8	100	7	100	7	100

III. Các công tác khác:

1. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ:

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: số lượng: 441; tỷ lệ: 100%
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: số lượng 384 HS; tỷ lệ: 100%
- Tỷ lệ trẻ từ 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: số lượng 1122 HS; tỷ lệ: 100%

- Đăng ký hoàn thành PCGD tiểu học mức độ: 03

- Đăng ký đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ: 02

2. Công tác bán trú:

2.1. Tên đơn vị cung ứng, địa chỉ đơn vị cung ứng xuất ăn bán trú

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần suất ăn Công nghiệp Hà Nội
- Địa chỉ: Lô D5-4 cụm sản xuất làng nghề Triều Khúc, phường Thanh Liệt, Hà Nội (đặt địa điểm nấu bếp tại trường Tiểu học Nguyễn Trãi và cung cấp suất ăn cho học sinh nhà trường).

- Số tiền ăn/ngày/học sinh: 35.000đ/HIS/ngày (01 bữa chính + 01 bữa phụ) năm học 2025-2026 UBND thành phố Hà Nội hỗ trợ 20.000đ/học sinh/ngày đến với học sinh tiểu học ăn bán trú, phần còn lại 15.000đ/học sinh/tháng do cha mẹ học sinh đóng góp theo hình thức thỏa thuận.

- Số học sinh ăn bán trú: 2041 học sinh

2.2. Tên đơn vị và địa chỉ cung cấp nước uống tinh khiết:

- Tên đơn vị: Đại lý cấp 1 - Nước uống tinh khiết HADOWA.

- Địa chỉ: Số 01 - Bà Triệu - Hà Đông - Hà Nội.

- Số tiền nước 01 tháng/ học sinh: 16.000đ/HIS/tháng.

3. Phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ:

- Nhà trường tham gia đầy đủ phong trào thể dục thể thao và văn nghệ theo quy định của các cấp triển khai

- Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trong các đợt thi đua chào mừng các ngày lễ trong năm học của giáo viên và học sinh.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể giữa giờ, tổ chức các nhóm bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các vận động viên tham gia thi đấu các cấp đạt kết quả cao.

- Tham gia hội khỏe phù đồng cấp phường và cấp thành phố.

4. Công tác đội :

- Thực hiện đầy đủ 100% các chương trình hoạt động do các cấp quy định và chương trình công tác Đội năm học 2025-2026. Tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử cho học sinh.

- Tham gia đầy đủ các Hội thi do Hội đồng Đội phường Hà Đông tổ chức.

- Xây dựng nền nếp ngay từ đầu năm học và giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các hoạt động tập thể, giúp các em học tập thoải mái, có hiệu quả. Tổ chức cho học sinh lao động tổng vệ sinh lớp học 1 lần/tháng.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua: "*Thiếu nhi Thủ đô vững bước vào kỷ nguyên mới*" các cuộc vận động: "*Thiếu nhi Thủ đô thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy*"; đổi mới, linh hoạt trong phương thức triển khai các phong trào, chương trình, hoạt động Đội cho thiếu nhi phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đảm bảo các em được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn.

- Tổ chức tuyên truyền và ký cam kết đảm bảo An toàn giao thông và thực hiện tốt việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe gắn máy và xe đạp điện.

5. Công tác bảo quản và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

- Bố trí, sắp xếp có phòng sách, thiết bị và thư viện khoa học, hợp lý, thuận tiện cho việc mượn, trả đồ dùng dạy học, đọc sách của giáo viên và học sinh.
- Có sổ theo dõi mượn, trả đồ dùng dạy học, ghi chép cập nhật hàng ngày.
- Kiện toàn thư viện theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục.
- Nhà trường yêu cầu các giáo viên sử dụng đồ dùng dạy học có trong bộ đồ dùng dạy học tối thiểu và đồ dùng dạy học tự tạo của cá nhân và tổ khối. Thường xuyên kiểm tra chất lượng đồ dùng, sửa chữa, tu bổ và mua sắm bổ sung kịp thời, đảm bảo cho việc dạy học.
- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin phối hợp vào các tiết dạy các môn học có hiệu quả.

6. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong trường học:

*** Công tác phòng cháy chữa cháy:**

- Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, nhà trường, các đoàn thể; cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng trong công tác PCCC.
- Nhà trường có đầy đủ hệ thống phục vụ công tác PCCC như: nội quy, tiêu lệnh chữa cháy, các dụng cụ PCCC...
- Tăng cường công tác tự kiểm tra hệ thống điện, đèn và tất các thiết bị điện khi ra khỏi lớp, phòng làm việc cuối buổi học.
- Tăng cường kiểm tra của lực lượng bảo vệ, lao công, quản trư các thiết bị điện sau khi hết giờ làm việc; cam kết không để xảy ra tình trạng ùn tắc trước cổng trường.

*** Công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự:**

- Thành lập Ban chỉ đạo đảm bảo an toàn, an ninh trường học gồm đại diện trong Ban giám hiệu, Đoàn Thanh niên, giáo viên chủ nhiệm và Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Phân công rõ chức năng và nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban chỉ đạo.
- Nhà trường kí hợp đồng với nhân viên bảo vệ trong đó nêu rõ nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự trong trường. Đảm bảo 24/24 giờ trong ngày đều có ít nhất 1 bảo vệ trực.
- Nhà trường chủ động phối kết hợp với lực lượng công an phường để giữ gìn an ninh trật tự khu vực cổng trường và địa bàn xung quanh trường, góp phần trong

việc đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường trong quá trình giảng dạy và giao lưu học sinh.

7. Công tác y tế, vệ sinh trường lớp, phòng chống dịch bệnh theo mùa:

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp thực hiện có hiệu quả, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát vệ sinh trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm, chuẩn bị sẵn sàng các phương án dự phòng, cấp cứu học sinh khi xảy ra trường hợp bất thường như tai nạn thương tích, cúm, sốt xuất huyết... đồng thời báo cáo thường xuyên công tác phòng chống dịch bệnh tới ban chỉ đạo cấp trên.

- Tổ chức phát động phong trào tổng vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho học sinh toàn trường. Duy trì quét dọn lớp học, lau chùi bàn ghế, cửa sổ hàng ngày, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, cuối tuần tổng vệ sinh toàn trường và khu vực xung quanh trường.

- Kiểm tra vệ sinh đồ dùng học tập, cốc uống nước, nguồn nước uống, nước sinh hoạt hàng ngày.

- Thu, gom, vận chuyển, xử lý các loại bao bì, vỏ hộp kịp thời, hợp lý, không để chúng là nơi chứa đựng các mầm bệnh gây dịch bệnh.

- Tiến hành các hoạt động phun thuốc muỗi, diệt bọ gậy, học sinh rửa tay bằng xà phòng, súc miệng bằng các dung dịch sát khuẩn thông thường; bảo đảm vệ sinh trong các nhà vệ sinh, khơi thông cống rãnh, rắc vôi bột xung quanh trường.

- Xây dựng thực đơn phù hợp với thời tiết, hạn chế ăn những thức ăn chế biến sẵn... Thực hiện nghiêm túc khâu giao, nhận và kiểm tra thực phẩm hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

IV. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

1. Tổng số phòng học : 38 phòng, trong đó:

- + Số phòng học cấp 4: 0 phòng
- + Số phòng học kiên cố: 38 phòng.
- Thừa: Không
- Thiếu: Không

2. Tổng số phòng chức năng: 14 phòng trong đó

- + Phòng Ban giám hiệu: Số lượng: 03 ; Diện tích: 25 m²/phòng
- + Phòng hội đồng: Số lượng: 01 phòng;
- + Phòng thư viện: Số lượng: 01 phòng; Diện tích: 70 (m²)
- + Phòng văn phòng: Số lượng: 02 phòng; Diện tích 25 (m²)
- + Phòng GD nghệ thuật: (Âm nhạc, Mỹ thuật) Số lượng: 01 ;
- + Phòng Tin học: Số lượng: 01 phòng; Diện tích: 50 (m²)
- + Phòng y tế: Số lượng: 01 phòng; Diện tích: 24 (m²)
- + Phòng Thiết bị: 01 phòng; Diện tích: 24 (m²)
- + Phòng Đội: 01 phòng; Diện tích: 24 (m²)
- + Phòng truyền thông: 01, diện tích: 25 (m²)
- + Phòng bảo vệ: 01 phòng; diện tích: 10 (m²)
- + Phòng dạy Ngoại ngữ: Số lượng: 0 phòng; Diện tích:.....(m²)
- + Phòng tập đa năng: 0 phòng; diện tích:.....(m²)

- Nhà trường còn thiếu: Theo quy định tại Điều 10 Thông tư 13/2020/TT-BGD ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thì nhà trường còn thiếu: Phòng dạy Ngoại ngữ, phòng Đa năng, phòng Bộ môn Khoa học - Công nghệ, phòng Tư vấn học đường và Hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập.

3. Số phòng dự kiến xây dựng trong năm: 0 phòng

- Số phòng học sửa chữa trong năm: 0 phòng

- Đồ dùng dạy học:

+ Tự làm: Khuyến khích cho giáo viên tự làm DDDH phục vụ cho hoạt động dạy. Tổng số DDDH tự làm được: 01 bộ

+ Tự mua: Đồ dùng sử dụng dạy học lớp 5 năm học 2025-2026 với tổng kinh phí: 5.670.000đ

- Số lượng sách tham khảo, sách giáo khoa, sách giáo viên: Mua đủ số lượng SGK dùng trong năm học 2025-2026. Với tổng kinh phí là 4.328.000đ

- Xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường: Đảm bảo Sáng – Xanh - Sạch - Gọn - An toàn.

B. Hoạt động chuyên môn, đánh giá, xếp loại đội ngũ và danh hiệu thi đua

I. Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ:

Nội dung	Khối				
	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Số chuyên đề thực hiện/năm	14	14	12	13	14
Số tiết dạy thực nghiệm/năm	84	84	72	78	84
Số GV dùng giáo án cũ có bổ sung	0	0	0	0	0
Số GV dùng giáo án mới	8	8	8	7	7
Số GV đi dự giờ trường khác	8	8	8	7	7
Số GV đi dự giờ phường (xã) khác	8	8	8	7	7
Số GV đi dự giờ TP (tỉnh) khác	8	8	8	7	7

- Số tổ chuyên môn: 06

- Số buổi sinh hoạt chuyên môn theo tổ: 2 lần/tháng

- Xếp loại số đăng bộ (tốt, khá, TB): Tốt

- Xếp loại số phổ cập (tốt, khá, TB): Tốt

II. Đội ngũ:

1. Tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên:

	Tổng số		Biên chế hợp		T. độ lý luận	Dang viên	Trình độ đào tạo				Cán đối	
	TS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sỹ	DH	CD	TC	Tham	Thư
- Quản lý	3	2	3		CC: I	3	1	2	0	0	0	0
- GV V.hóa	44	44	41	3	TC:	33	3	41	0	0	0	2
- GV C/biệt	11	09	11	0	TC:	8	2	10	0	0	0	3

	Tổng số		Biên chế hợp		T. độ lý luận	Dăng viên	Trình độ đào tạo				Cân đối	
	IS	Nữ	B/chế	H/đồng			Thạc sĩ	DH	CD	TC	Thừa	Thiếu
Â nhạc	2	2	2	0		1	0	2	0	0	0	0
M thuật	2	1	2	0		2	0	2	0	0	0	0
Thế dục	3	2	3	0		1	1	2	0	0	0	1
T Anh	3	3	3	0		2	0	3	0	0	0	1
Tin học	1	1	1	0		1	1	0	0	0	0	1
- TPT đội	1	1	1	0		1	0	1	0	0	0	0
- Nhân viên	6	6	4	2		2	1	4	1			1
Kế toán	1	1	1	0		0		1				
Văn thư	1	1	1	0		1		1				
Thư viện	0	0	0	0		0						1
TBt	1	1	1	0		0		1				
Y tế	1	1	1	0		1			1			
Thủ quỹ	0	0	0	0		0						
H đồng III	2	2	0	2		0	1	1				
- Tổng số	65	62	60	5	7	46	7	57	1	0	0	6

*Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,47 GV/lớp

*Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên: 100 %

2. Đăng ký xếp loại giáo viên, tính cả giáo viên hợp đồng, GV dự trữ :

Theo Quyết định số 20/2018/QĐ-BGDĐT, ngày 22/8/2018 Ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông:

TS GV		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
BC	HD	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
53	3	11	20.7	39	73.7	3	5.6	0	

3. Đăng ký xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (theo ND số 90/2020/ND-CP, ngày 13/8/2020 của Chính phủ về Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức:

Tổng số CBQL, GV, NV	HT XS (A)		HT Tốt (B)		Hoàn thành nhiệm vụ (C)		Không hoàn thành nhiệm vụ (D)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cán bộ quản lý	1	33	2	67	0		0	
Giáo viên	10	19	43	81	0		0	
Nhân viên	0	0	6	100	0		0	

4. Đăng ký xếp loại cán bộ quản lý (theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 Thông tư về Ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở Giáo dục phổ thông)

Cán bộ quản lý	Tốt	Khá	Đạt
Hiệu trưởng	01	0	0
Phó hiệu trưởng	02	0	0

III. Đăng ký danh hiệu thi đua:

<u>I. Đối với tập thể</u>	
Đơn vị nhà trường	Đăng ký danh hiệu thi đua: Tập thể Lao động xuất sắc
<u>1. Đối với cá nhân</u>	
- Giáo viên dạy giỏi các cấp	+ Cấp trường: SL: 56, tỷ lệ: 100%; + Cấp phường: SL: 02, tỷ lệ: 3,6 %; + Cấp TP: SL: 01, tỷ lệ: 1,8 %
- Lao động Tiên tiến:	SL: 62, tỷ lệ: 100%
- Chiến sỹ thi đua Cấp cơ sở:	SL: 09, tỷ lệ: 14,5 %
- Chiến sỹ thi đua Cấp TP:	SL: 0, tỷ lệ: 0 %
- Đề nghị khen cao:	
+ Tập thể:	Không
+ Cá nhân:	Không

IV. Công tác kiểm tra nội bộ:

- Tổng số chuyên đề được kiểm tra trong năm học: 83
- Kiểm tra toàn diện: 17 giáo viên = 30.3 %
- Kiểm tra thực hiện quy chế chấm chữa: 56 giáo viên = 100 %
- Kiểm tra giáo án, hồ sơ, sổ sách: 56 giáo viên = 100%; 4 lần/năm
- Dự giờ của hiệu trưởng: 56 giáo viên = 100 %; 70 tiết
- Dự giờ của hiệu phó chuyên môn: 56 giáo viên = 100%; 140 tiết
- Dự giờ của hiệu phó cơ sở vật chất: 56 giáo viên = 100%; 140 tiết

V. Công tác xã hội hoá giáo dục:

1. Các khoản thu xã hội hóa (ghi rõ các khoản thu nếu có):

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cũng như cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phối kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương để giáo dục đạo đức, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao không khi vui chơi phấn khởi cho học sinh trong các hoạt động học tập từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và kinh phí hoạt động của hội CMHS. Không có khoản thu xã hội hóa.

2. Đăng ký tổ chức các câu lạc bộ ngoài giờ chính khóa (nếu có):

Nhà trường phối kết hợp với trung tâm xây dựng kế hoạch tổ chức mô hình câu lạc bộ ngoài giờ chính khóa cho học sinh trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh (Câu lạc bộ Aerobic, Stem, KNS, mỹ thuật sáng tạo).

3. Đăng ký triển khai dạy làm quen, bổ trợ Tiếng Anh, Toán-TA, Tiếng anh-Khoa cho học sinh:

a) Chương trình làm quen, bổ trợ, bổ trợ kỹ năng Tiếng Anh.

Thực hiện Chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thực hiện theo công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 và công văn số 803/SGDDT-GDPT ngày 17/3/2020 của Sở GDĐT; Tiếp tục triển khai chương trình Tiếng Anh tự chọn, nhà trường kết hợp với trung tâm Tiếng Anh E3 (English Education for everyone) triển khai dạy làm quen Tiếng Anh với khối 1, 2 và Tiếng Anh bổ trợ có yếu tố nước ngoài đối với học sinh khối 3, 4, 5 trên tinh thần đăng ký hoàn toàn tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh.

+ Chương trình khối 1, 2: I learn Smart Start 1, 2 - Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chương trình khối 3 - 4 - 5: Bổ trợ Sách Wonderful World 3 - 4 - 5 của NXB Đại Học Sư Phạm.

b) Chương trình làm quen và bổ trợ Tiếng Anh - Toán:

Nhà trường kết hợp với trung tâm Anh ngữ Việt - Úc triển khai dạy làm quen và bổ trợ Tiếng Anh - Toán từ khối 1 đến khối 5 trên tinh thần đăng ký hoàn toàn tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh với giáo trình English for primary Maths nhà xuất bản Đại học Sư phạm thuộc bản quyền của Trung tâm và đã được Sở GDĐT Hà Nội thẩm định.

c) Chương trình làm quen và bổ trợ Tiếng Anh - Khoa học:

Nhà trường kết hợp với trung tâm Anh ngữ Việt - Úc triển khai dạy làm quen và bổ trợ Tiếng Anh - Khoa học đối với học sinh khối 1, 2, 3, 4, 5 trên tinh thần đăng ký hoàn toàn tự nguyện của học sinh và cha mẹ học sinh với giáo trình English for primary Science nhà xuất bản Đại học Sư phạm thuộc bản quyền của Trung tâm và đã được Sở GDĐT Hà Nội thẩm định.

VI. Triển khai phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, trường học hạnh phúc:

Năm học 2025-2026 là năm thứ nhất thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ chính trị về đột phá phát triển giáo dục vào đào tạo. Chú trọng các hoạt động:

- Xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, đủ nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh.

- Nhà trường chấp hành nghiêm túc các Văn bản, Chỉ thị dưới sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Ban giám hiệu nhà trường có kế hoạch tổ chức và triển khai tuyên truyền, phát động trong Hội đồng sư phạm nhà trường, toàn thể cha mẹ học sinh và học sinh nhà trường. Phối hợp với chính quyền và nhân dân địa phương phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng ở địa phương, lồng ghép các nội dung của phong trào thi đua trong các tiết học, môn học phù hợp với thực tiễn. Tổ chức giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm và nhân rộng các gương điển hình về phong trào xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". Kết thúc năm học có tổng kết, đánh giá và khen thưởng những tập thể lớp và cá nhân thể hiện tốt phong trào thi đua.

* **Dăng ký xây dựng trường học hạnh phúc:** theo Quyết định số 1468/QĐ-SGDDT ngày 11/6/2024, của Sở GDĐT, Quyết định về việc ban hành bộ tiêu chí trường học hạnh phúc cho các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Nhà trường cam kết không có tình trạng dạy thêm, học thêm và thực hiện đúng Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định dạy thêm, học thêm.

XI. Đăng ký cam kết xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích (theo Thông tư 18/2023/TT - BGDDT ngày 26/10/2023 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên)

- Nhà trường đăng ký cam kết xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.

XII. Đăng ký công tác tự kiểm định chất lượng và đánh giá ngoài (mức độ đạt):

- Nhà trường đăng ký công tác tự kiểm định chất lượng, đánh giá ngoài mức độ đạt: Cấp độ 2.

XIII. Đăng ký phần đầu xây trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (công nhận mới hoặc công nhận lại - mức độ đạt):

- Nhà trường tiếp tục giữ vững danh hiệu trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Hà Đông, ngày tháng năm 2025

**Hiệu trưởng
(ký, đóng dấu)**



Lê Trung Tuấn

XÉT DUYỆT CỦA PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI

Phòng Văn hóa-Xã hội phường Hà Đông với nội dung Kế hoạch giáo dục nhà trường và Bản đăng ký phần đầu thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm học 2025 - 2026 của nhà trường.

Ngày tháng năm 2025

Chuyên viên phụ trách

TRƯỞNG PHÒNG

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG

(Kèm theo Kế hoạch số 12/KH-THNT ngày 28/8/2025 của trường Tiểu học Nguyễn Trãi)

Thời gian	Nội dung công tác
Tháng 8/2025	- Hoàn thành công tác tuyển sinh lớp 1. - Triển khai bồi dưỡng chuyên môn hè, tập huấn kỹ thuật dạy học tích cực. - Xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn chuyên môn năm học. - Đăng kí mua hồ sơ phục vụ công tác y tế. Triển khai công tác y tế học đường đối với khối 1. - Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa và báo cáo chống xuống cấp. - Bồi dưỡng chính trị cho CB, GV, NV - Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 100% giáo viên, nhân viên - Phân công chuyên môn. Ổn định tổ chức, kiện toàn đội ngũ tổ trưởng - Học tập nhiệm vụ năm học, tiếp thu các văn bản quy định về chuyên môn. - Ổn định thời khoá biểu dạy học. - Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo CV 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT v/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 8 - Chỉ đạo tổ chức ngày khai giảng năm học mới. Hoàn thành sổ liệu vào cơ sở dữ liệu của ngành. - Họp CMHS đầu năm học
Tháng 9/2025	- Tập trung học sinh, tổ chức cho học sinh học nội quy trường lớp, biên chế lớp, bầu cán sự lớp. - Chuẩn bị công tác khai giảng và tổ chức Khai giảng năm học mới. - Thực hiện chương trình dạy học tuần 1 - Tiếp tục triển khai các cuộc vận động tới GV, HS - Tổ, khối chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch cá nhân và tổ, khối. Đăng ký thi đua của GV và chỉ tiêu các lớp nộp về BGH. - Xây dựng KH năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch chuyên đề, kế hoạch kiểm tra toàn diện... và triển khai tới CB, GV, NV.

Thời gian	Nội dung công tác
	- Đăng ký thi đua của CB, GV, NV và chỉ tiêu thi đua học sinh - Tổ chức hoạt động hưởng ứng "Tháng ATGT" trong nhà trường, tiếp tục triển khai giáo dục ATGT cấp Tiểu học, giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh, tích hợp sử dụng Tài liệu "Bác Hồ và những bài học về đạo đức, lối sống dành cho học sinh". Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ năm học. - Tổ chức các chuyên đề dạy học các môn học, hoạt động giáo dục (chuyên đề giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng công dân số, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục nghệ thuật,...). - Hoàn thành các báo cáo số liệu đầu năm trên cơ sở dữ liệu ngành - Kiểm tra việc thực hiện chương trình, TKB và bài soạn của 100% GV - Dự giờ giáo viên trong quá trình dạy học. - Tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, hướng dẫn kỹ năng PCCC&CNCH (19/9/2025) - Phát động thi đua chào mừng ngày kỉ niệm 71 năm giải phóng Thủ đô (10/10/1954 – 10/10/2025) - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm. - Tổ chức chuyên đề các môn học, chuyên đề giáo dục STEM cấp trường. - Đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên tháng 9.
	- Tổ chức "<i>Vui hội Trăng rằm</i>", thăm tặng quà thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Trung thu cho thiếu nhi. - Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ. - Tổ chức Đại hội Liên đội - Tiếp tục bồi dưỡng HS năng khiếu, HS chưa đạt chuẩn theo kế hoạch - Cùng cố, tăng cường rèn nề nếp giữ vở sạch, viết chữ đẹp trong HS - Tiếp tục thực hiện dạy lồng ghép Bộ tài liệu giáo dục nếp sống văn minh - thanh lịch cho học sinh thu đô sau khi dạy xong Quyền và bổn phận trẻ em. - Dự giờ đột xuất giáo viên và kiểm tra nề nếp các lớp.

Thời gian	Nội dung công tác
Tháng 10/2025	- Tổ chức các hoạt động kỉ niệm 71 năm giải phóng Thủ đô (10/10/1954 – 10/10/2025) - Tổ chức chuyên đề, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo viên theo Kế hoạch. - Xây dựng các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn. Nộp danh sách đăng kí danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể năm học 2025 – 2026 - Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp phường - Tự kiểm tra PCTH đúng độ tuổi - Phát động đợt Thi đua “Dạy tốt – Học tốt” chào mừng kỉ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11” - Kiểm tra 100% hồ sơ, sổ sách của giáo viên, kiểm tra toàn diện và từng mặt giáo viên, kiểm tra VSCĐ toàn trường - Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục - Hoàn thiện các loại hồ sơ, kiểm tra công nhận hoàn thành CT PCGD&CMC năm 2024. - Tổ chức hội thi thiết kế bài giảng điện tử và bài giảng Elearning cấp trường, tham dự Hội thi. - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 10
Tháng 11/2025	- Tổ chức Hội thi “Dạy tốt – Học tốt” chào mừng kỉ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”. Cụ thể: + Đối với Giáo viên: Thi Giáo viên dạy giỏi. + Đối với Học sinh: Tổ chức giao lưu đọc diễn cảm (đối với HS lớp 3,4,5) và đọc thơ (đối với HS lớp 1,2) - Tổ chức thi TDTT cấp Trường, cấp phường. - Hướng dẫn, triển khai giáo dục kỹ năng công dân số - Tiếp tục dạy lồng ghép, tích hợp ATGT, Quyền và bổn phận trẻ em ở tất cả các khối lớp. - Tham gia hội thi Festival Tiếng Anh cấp trường, cấp phường - Dự giờ giáo viên đăng ký GVG các cấp

Thời gian	Nội dung công tác
	- Kiểm tra và ký hồ sơ, sổ sách giáo viên. - Tổng kết đợt thi đua "Dạy tốt – Học tốt" chào mừng kỉ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11" và phát động phong trào Thi đua học tập và làm theo gương Anh Bộ đội Cụ Hồ - Mit tình kỉ niệm chào mừng kỉ niệm 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 - Kiểm tra toàn diện và từng mặt giáo viên theo kế hoạch. - Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 11. - Kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I môn Toán-Tiếng Việt đối với học sinh lớp 4,5. - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm
Tháng 12/2025	- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo viên theo Kế hoạch - Tổ chức chuyên đề theo kế hoạch. - Hoàn thành kiểm tra học kì và sơ kết học kì I. Cập nhật cơ sở dữ liệu toàn ngành. Nộp báo cáo sơ kết học kỳ I. - Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố - Kiểm tra nề nếp, chuyên môn, hồ sơ giáo viên và học sinh. - Tổ chức hoạt động chào mừng ngày thành lập QĐNDVN 22-12 - Tham gia thi TDTT cấp quận - Kiểm tra chi đội mạnh vào ngày tổ chức kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân VN - Tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu trong các giờ trên lớp. - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 12
	- Báo cáo kết quả kiểm tra HKI bằng văn bản và biểu số liệu EQMS vào ngày 16/01/2026, gửi báo cáo trên CSDL ngành. - Sơ kết công tác chuyên môn HKI.

Thời gian	Nội dung công tác
Tháng 01/2026	- Hoàn thành sổ Theo dõi chất lượng giáo dục, sổ chu nhiệm, học bạ học kỳ I và phần mềm đánh giá HS - Tổ chức hội nghị sơ kết học kỳ I và triển khai nhiệm vụ học kỳ II. - Bắt đầu chương trình học kỳ II - Họp phụ huynh các khối lớp, thông báo kết quả học kỳ I và nhiệm vụ học kỳ II. - Tăng cường bồi dưỡng HSG, HSY - Tổ chức chuyên đề và kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. - Tham gia giao lưu Olympic Tiếng Anh cấp Thành phố - Tổ chức Hội thi "Tin học trẻ" cấp trường - Ban giám hiệu kiểm tra các hoạt động của giáo viên, học sinh. - Tổ chức các hoạt động giáo dục HS trong nhà trường: Kỉ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3/2) - Kiểm tra 100% sổ sách của giáo viên - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng I
Tháng 02/2026	- Điều tra lần I số học sinh dự kiến vào lớp I năm học 2026 - 2027 trên địa bàn phường - Giao lưu "An toàn giao thông nụ cười trẻ thơ" cấp Quốc gia (theo lịch của Bộ GDĐT); - Tổ chức và tham gia thi Olympic học sinh tiểu học cấp trường/cụm trường. - Tổng vệ sinh trường lớp toàn trường - Tổ chức cho CB, GV, NV, HS đón tết vui vẻ an toàn, nghỉ đúng số ngày quy định. - Phấn công CB, GV, NV trực trong những ngày nghỉ Tết - Tổ chức trồng cây bóng mát và cây cảnh hướng ứng Tết trồng cây - Giao lưu viết chữ đẹp cấp trường - Kiểm tra nề nếp chuyên môn - Tăng cường kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học trong các giờ học. - Tiếp tục tiến hành kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

Thời gian	Nội dung công tác
	- Tham mưu với UBND Phường thành lập Ban chỉ đạo PCGD tiểu học đúng độ tuổi và xây dựng kế hoạch PCGDTH đúng độ tuổi năm 2026 cấp phường - Tham gia Hội thi "Tin học trẻ" các cấp. Tổ chức Hội thi cấp liên đội và tham gia cấp phường (từ tháng 02 đến tháng 3/2026) Hội thi cấp Thành phố lần thứ XXX (trung tuần tháng 4/2026) - Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi lớp 5 cấp Thành phố năm học 2025-2026; Giao lưu "An toàn giao thông nụ cười trẻ thơ" cấp Quốc gia (theo lịch của Bộ GDĐT); Tổ chức Olympic học sinh tiểu học cấp trường/cụm trường - Tổ chức Hội thi thiết kế bài học GD STEM cấp trường - Tổ chức phun thuốc diệt muỗi, tổng VSMT. - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 2.
Tháng 3/2026	- Tổ chức chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học các môn học - Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra bằng các hình thức kiểm tra từng mặt và kiểm tra toàn diện. - Phối hợp với Hội đồng đội tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đội-Sao theo chủ đề. - Thực hiện chuyên đề và kiểm tra toàn diện theo kế hoạch - Giáo viên hoàn thành SKKN. - Tổ chức cuộc thi thiết kế bài học giáo dục STEM theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp quận; tổ chức Ngày hội Công nghệ thông tin và giáo dục STEM cấp trường, cấp quận. - Tăng cường bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo HS chưa đạt chuẩn - Tổ chức kiểm tra giữa HKII đối với khối 4,5. - Nộp báo cáo kết quả giữa kì II. - Tổ chức diễn đàn trẻ em với chủ đề "Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường" - Tổ chức Kỷ niệm ngày thành lập Đoàn - Ban giám hiệu kiểm tra các hoạt động của giáo viên, học sinh

Nội dung công tác

- Kiểm tra, xếp loại vở sạch chữ đẹp
- Tổ chức chấm SKKN cấp trường
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm
- Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 3

- Tiến hành điều tra phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi - Chồng mù chữ năm 2026 theo địa bàn phường

- Điều tra học sinh dự kiến vào lớp 1 năm học 2026 - 2027 (đợt 2) trên địa bàn phường

- Chỉ đạo ôn tập cho HS và kiểm tra cuối năm học. Cập nhật cơ sở dữ liệu cuối năm

- Tổ chức giao lưu viết chữ đẹp, Olympic TA cấp Trường

- BGH kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ số GV còn lại

- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch

- Phối hợp với Hội đồng đội tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đội-Sao theo chủ đề.

- Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 4.

- Ôn tập cho học sinh cuối học kỳ II

- Tổ chức kỷ niệm ngày thành lập đội (15/5) và ngày sinh nhật Bác (19/5)

- Kiểm tra hồ sơ giáo viên và học sinh.

- Liên đội tổ chức "Ngày hội công nhân hoàn thành Chương trình Rèn luyện đội viên" gắn với tuyên dương Châu ngoan Bác Hồ

- Thực hiện kiểm tra học kỳ II đối với Toán, T. Việt, Khoa học, Sử + Địa (khối 4, 5), tiếng Anh (khối 3,4,5), Tin học, công nghệ (khối 3,4,5) và đánh giá NX các môn học còn lại.

- Nộp báo cáo EQMS, CSDL ngành

- Kết thúc chương trình HK2

- Kiểm tra thư viện đạt chuẩn.

- Hoàn thiện hồ sơ thi đua, gửi hồ sơ thi đua cấp cơ sở và hồ sơ đề nghị xét thi đua báo cáo Sở

- Hoàn thành các loại hồ sơ: Sổ theo dõi kết quả học sinh, học bạ và các hồ sơ liên quan. Xét duyệt học sinh lên lớp.

Thời gian	Nội dung công tác
	- Tổ chức xét công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học đối với học sinh lớp 5, duyệt lên lớp đối với các khối khác. - Tổ chức bàn giao học sinh lớp dưới lên lớp trên. - Họp khối chuyên môn kiểm tra chéo hồ sơ, sổ sách giáo viên - Tham gia khảo sát chất lượng tiếng Anh liên kết đối với HS lớp 5 - Kiểm tra 100% hồ sơ sổ sách của giáo viên - Tổ chức giao lưu "Sân chơi tri tuệ" cấp Trường. - Tổng kết năm học - Tổ chức bàn giao chất lượng, học sinh lớp 5 lên lớp 6. - Thực hiện kiểm tra chéo hồ sơ, sổ sách theo kế hoạch. - Xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2026- 2027 - Tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động Đội, Sao theo chủ đề, chủ điểm. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 5.
Tháng 6/2026	- Xây dựng kế hoạch hoạt động hè. - Bàn giao học sinh về địa phương sinh hoạt hè, phát phiếu sinh hoạt hè cho học sinh - Phân công trực hè cho CB, NV. - Niêm phong tài sản nhà trường - Cán bộ, nhân viên trực hè theo phân công của Hiệu trưởng. - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 6.
Tháng 7/2026	- Kiểm tra hoạt động hè. - Tuyển sinh lớp 1 năm học 2026 - 2027 - Kiểm tra, rà soát, lên kế hoạch xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất nhà trường chuẩn bị cho năm học 2026 - 2027. - Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. - Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, GV, NV hè 2026. - Kiểm tra, rà soát các điều kiện đảm bảo chuẩn bị cho năm học mới - Đánh giá, xếp loại thi đua tháng 7.